

Bản án số: 180/2020/HN&GD-ST

Ngày 22/9/2020.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thư

Bà Ngô Thị Hoài

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 132/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 03/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị D, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn H xã Ph, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn H, xã Ph, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/7/2020, bản tự khai ngày 31/7/2020 của nguyên đơn chị Phùng Thị D thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, cưới có giấy đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph ngày 17/02/2012. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận chỉ được một thời gian ngắn thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng cứ

diễn ra như vậy trong nhiều năm. Mặc dù, gia đình hai bên đã hòa giải dàn xếp nhiều lần nhưng không được, bản thân chị đã cố gắng để vợ chồng đoàn tụ, nuôi dạy con cái, nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng dần nứt, không còn tình cảm với nhau. Vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng chính thức từ tháng 6 năm 2020 do chị không thể chịu đựng thêm được nữa nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó đến nay vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi không ai quan tâm đến ai. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện L xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con: Chị và anh N có một con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 18/12/2012, hiện nay đang sống cùng với anh N. Ly hôn, chị nhường quyền cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Về tài sản và công nợ: Chị D xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31/7/2020 của bị đơn anh Nguyễn Văn N thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị D tự nguyện tìm hiểu, cưới có giấy đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph ngày 17/02/2012. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được bảy năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, do đó tháng 6 năm 2020 chị Duyên về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị D làm đơn ly hôn anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn. Đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con: Anh và chị D có một con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 18/12/2012. Hiện nay đang ở cùng với anh N, ly hôn nguyện vọng của anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng con, việc cấp dưỡng nuôi con chị D đóng góp bao nhiêu là tùy, anh không đòi hỏi.

Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 31/7/2020 Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho chị D và anh N đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 05/8/2020 nhưng anh N không đến. Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và lập biên bản không hòa giải được.

Theo đơn yêu cầu của chị D, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn

nhân giữa chị D và anh N và sự có mặt của anh N tại nơi cư trú.

Tại biên bản xác minh ngày 06/8/2020 bà Hoàng Thị L (Trưởng thôn H) cho biết:

Về hôn nhân: Anh N và chị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do UBND xã Ph cấp. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng hay cãi nhau, tháng 6/2020 chị D và anh N sống ly thân cho đến nay.

Về con: Anh N và chị D có một con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 18/12/2012. Hiện nay đang ở cùng với anh N và bà nội.

Hiện tại anh N không có mặt tại địa phương, anh N đi làm ăn ở Hà Nội là lao động phổ thông nên không xin nghỉ được, cuối tuần anh N vẫn về nhà. Tại thời điểm chị D làm đơn xin ly hôn, anh N đang ở nhà và anh N có biết chị D làm đơn xin ly hôn anh.

Việc chị D làm đơn xin ly hôn anh N. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chị Phùng Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án, người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: Xử cho chị Phùng Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con: Giao cháu Nguyễn Gia B cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu, chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2020 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ: Chị Phùng Thị D và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Phùng Thị D phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Phùng Thị D khởi kiện ly hôn anh Nguyễn Văn N có nơi cư trú tại thôn H, xã Ph, huyện L, tỉnh Thanh Hoá. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị D và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã Ph, huyện L cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 17/02/2012, như vậy hôn nhân giữa chị D và anh N là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị D và anh N: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án anh N có nguyện vọng đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh N lại không đến tham gia hòa giải, điều đó chứng tỏ anh N không còn tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc không có mong muốn để vợ chồng trở về đoàn tụ thông qua công tác hòa giải tại Tòa án. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay, hai bên không có biện pháp để khắc phục tình trạng hôn nhân hiện nay, chị D có nguyện vọng ly hôn. Thấy rằng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay và theo biên bản xác định tình trạng hôn nhân với Ủy ban nhân dân xã Ph ngày 06/8/2020.

[3] Về con: Chị Phùng Thị D và anh Nguyễn Văn N có một con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 18/12/2012. Hiện nay đang ở cùng với anh N và khi giải quyết ly hôn chị D đề nghị giao cho anh N được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Gia B. Anh N cũng đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, nguyện vọng của cháu B mong muốn được ở với anh N.

Xét thấy đề nghị của chị D và nguyện vọng của anh N về người trực tiếp nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, nên chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên. Giao cháu Nguyễn Gia B cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu B.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị D đề nghị cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia B mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), anh N đề nghị việc cấp dưỡng nuôi con

chị D đóng góp bao nhiêu là tùy, anh không đòi hỏi. Xét thấy việc cấp dưỡng của chị D là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng).

[4] Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về tố tụng: Ngày 15/9/2020, Tòa án nhân dân huyện L đã đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa có mặt chị Phùng Thị D, nhưng anh Nguyễn Văn N vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa và thông báo đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai vào ngày 22/9/2020. Quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ cho người thân là bà Nguyễn Thị Th (mẹ đẻ) anh N được biết, bà Th cam đoan giao trực tiếp cho anh N. Tại phiên tòa anh N vẫn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn anh Nguyễn Văn N và chị Phùng Thị D.

[6]. Về án phí: Buộc chị Phùng Thị D phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Xử:** Vắng mặt chị Phùng Thị D và anh Nguyễn Văn N.

* **Chấp nhận đơn khởi kiện** của chị Phùng Thị D.

Về hôn nhân: Chị Phùng Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con: Chị Phùng Thị D và anh Nguyễn Văn N có một con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 18/12/2012.

Giao cháu Nguyễn Gia B cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị D có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Nhưng chị D cũng không được lạm dụng quyền thăm nom con để gây ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của anh N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phùng Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2020 cho đến khi cháu Nguyễn Gia B đủ 18 tuổi.

Trường hợp bản án được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Điều 7a Luật Thi hành án dân sự sửa đổi năm 2014. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị Phùng Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0008077 ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc. Chị D còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: Chị Phùng Thị D và anh Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện L
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND Phú Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Cao Thị Nga